

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 170/2019/DS-PT
Ngày: 23-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang
Bà Võ Thị Hồng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 150/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố K, Phường L, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khu phố M, phường L, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/5/2019); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn N, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ K, ấp K, xã C, Huyện M, tỉnh Tây Ninh; có đơn yêu cầu xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Hà Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 21-7-2018 chị có cho vợ chồng ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M vay số tiền 1.790.000.000 đồng; không lãi; thời hạn trả 60 ngày; có làm giấy nợ. Do đã

quá thời hạn nhưng vợ chồng ông N chưa trả nợ nên chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N trả số tiền 1.790.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hà Văn N trình bày: Từ tháng 5/2017 đến tháng 6/2018, do cần vốn để mua bán mủ cao su nên ông có nhờ con gái là chị Hà Thị Hồng N3 vay tiền giúp cho ông nhiều lần (hiện không nhớ từng lần vay). Các số tiền vay đều lãi suất 8%/tháng; số tiền vay không làm giấy tờ gì mà đều thực hiện đưa tiền, trả tiền thông qua việc chuyển khoản tại ngân hàng N2 Á. Ông đã đưa tiền cho chị N3 trả tiền gốc, lãi cho chị T; chị T cũng trả bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng và trả bằng tiền mặt. Đến tháng 6/2018 do ông mua bán bị thua lỗ nên không còn khả năng trả nợ cho chị T (không nhớ thời điểm này phải trả tiền gốc, lãi là bao nhiêu). Do chị T đe dọa và làm phiền công việc, cuộc sống của chị N3 nên ngày 21-7-2018 ông đã liên hệ chị T để hai bên trực tiếp ký nhận nợ với nhau, số tiền chị N3 đã vay của chị T để đưa cho ông thì không còn liên quan đến chị N3 nữa. Tại thời điểm ký nhận nợ, khi chị T tính toán và thông báo cho ông số tiền còn nợ tổng cộng là 1.790.000.000 đồng thì ông đồng ý ký nhận.

Quá trình tham gia tố tụng, ông và chị N3 kiểm tra lại số tiền thực tế đã vay, đã trả cho chị T thì số tiền ông đã vay tổng cộng là 4.442.000.000 đồng, đã trả gốc, lãi là 3.827.580.000 đồng, nên thực tế chỉ còn nợ chị T 614.420.000 đồng, nên ông chỉ đồng ý trả 614.420.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M là vợ của ông N trình bày: Thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông N.

Anh Nguyễn Hoàng N2 là chồng của chị T: Thống nhất với lời trình bày và quyết định của chị T. Số tiền 1.790.000.000 đồng là tiền riêng của chị T, anh không có ý kiến gì khác.

Chị Hà Thị Hồng N3 là con ông N, bà M trình bày: Thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương T đối với ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Phương T số tiền 1.790.000.000 (Một tỷ bảy trăm chín mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, bị đơn là ông Hà Văn N có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của ông N, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N trả số tiền 1.790.000.000 đồng mà ngày 21-7-2018 ông N đã trực tiếp mượn. Ông N thừa nhận ngày 21-7-2018 ông có viết giấy mượn tiền với chị T như chị T trình bày nhưng ông cho rằng sau khi viết giấy nợ ông và con gái là chị N3 tính toán lại thì chỉ còn nợ chị T 614.420.000 đồng nên đồng ý trả số tiền này. Các tài liệu là ủy nhiệm chi, bản sao kê tài khoản ngân hàng do ông N cung đều không thể hiện mục đích việc chuyển tiền giữa chị N3 và chị T; không thể hiện được số tiền gốc, tiền lãi là bao nhiêu. Hơn nữa, chị T không thừa nhận việc có nhận tiền của ông N thông qua chị N3 mà đó là giao dịch khác với chị N3.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của chị T xác định giữa chị T và chị N3 có giao dịch vay tiền nhưng đã trả xong, hiện chị N3 không còn nợ tiền chị T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm dân sự: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N nên ông N phải chịu án phí phúc thẩm dân sự như quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Văn N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương T đối với ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M.

1.1. Buộc ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Phương T số tiền 1.790.000.000 (Một tỷ bảy trăm chín mươi triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hà Văn N, bà Nguyễn Thị M phải chịu 65.700.000 (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Chị Trần Thị Phương T không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 32.850.000 (Ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011070 ngày 01 tháng 10 năm 2018.

3. Án phí phúc thẩm dân sự: Ông N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0011183, ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện DMC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS DMC;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh